

2. Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và thành viên Ban Chỉ đạo tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 69/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 216/TTr-STP ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức hành nghề công chứng xác định giá cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và niêm yết công khai các mức giá tại trụ sở của mình.

2. Sở Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Tháp

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-UBND Ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TỐI ĐA
I	SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH.	
1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh.	500.000 đồng/hợp đồng
2	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản.	300.000 đồng/văn bản
3	- Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	150.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất.	150.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp.	150.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác.	150.000 đồng/hợp đồng

	- Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản.	150.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản.	150.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng vay tiền.	200.000 đồng/hợp đồng
	- Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng.	200.000 đồng/văn bản
4	- Di chúc.	100.000 đồng/văn bản
	- Hợp đồng ủy quyền.	120.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô.	150.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	100.000 đồng/hợp đồng
	- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch.	100.000 đồng/hợp đồng
5	Văn bản từ chối nhận di sản.	80.000 đồng/văn bản
6	- Giấy ủy quyền.	80.000 đồng/giấy
	- Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy.	100.000 đồng/hợp đồng
7	Hợp đồng, giao dịch khác.	250.000 đồng/hợp đồng
II	ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP VĂN BẢN	
1	Đánh máy văn bản (trang A4).	6.000 đồng/trang
2	Sao chụp văn bản (trang A4).	500 đồng/trang
3	Sao chụp văn bản (trang A3).	700 đồng/trang
III	DỊCH GIẤY TỜ, VĂN BẢN	
1	Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam.	120.000 đồng/trang

2	Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng nước ngoài.	150.000 đồng/trang
IV	CÁC VIỆC KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG CHỨNG	
1	Công bố di chúc.	150.000 đồng/trường hợp
2	Niêm yết thông báo hồ sơ thừa kế.	150.000 đồng/lần
3	Sao lục hồ sơ lưu trữ theo quy định.	100.000 đồng/hồ sơ/1 lần
4	Các việc khác.	100.000 đồng/việc
V	CÔNG CHỨNG NGOÀI TRỤ SỞ	
1	Trong phạm vi địa bàn cấp huyện nơi các tổ chức đặt trụ sở.	
a	Dưới 5km (tính từ trụ sở các tổ chức hành nghề công chứng).	500.000 đồng/lần
b	Từ 5km (tính từ trụ sở các tổ chức hành nghề công chứng).	500.000 đồng/lần + 30.000 đồng/1km vượt quá km thứ 5 nhưng không quá 1.000.000 đồng/lần
2	Ngoài địa bàn cấp huyện nơi các tổ chức đặt trụ sở.	
a	Đi và về trong buổi làm việc.	1.000.000 đồng/lần
b	Đi và về trong ngày làm việc.	1.500.000 đồng/lần
c	Đi và về vượt quá một ngày làm việc.	2.000.000 đồng/lần
3	Chi phí xác minh.	1.000.000 đồng/việc
4	Chi phí giám định.	1.000.000 đồng/việc
5	Các chi phí ở mục V này không bao gồm chi phí phương tiện, ăn uống, lưu trú.	